

VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
TỦ SÁCH PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
CHỦ ĐỀ: NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN
TS PHẠM NGỌC HÙNG

Quản lý
CHÁY RỪNG Ở VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

QUẢN LÝ CHÁY RỪNG Ở VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
TS PHẠM NGỌC HÙNG

QUẢN LÝ CHÁY RỪNG Ở VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
- 2004 -

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
INSTITUTE FOR RESEARCH AND UNIVERSALIZATION FOR
ENCYCLOPAEDIC KNOWLEDGE (IRUEK)

Văn phòng liên hệ: B4, P411 (53) TT Giảng Võ - Đường Kim Mã
Quận Ba Đình - Hà Nội.

ĐT (04) 8463456 - FAX (04) 7260335

Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa là một tổ chức khoa học tự nguyện của một số trí thức cao tuổi ở Thủ đô Hà Nội, thành lập theo Nghị định 35/HĐBT, nay thuộc Hội Người Cao tuổi Việt Nam.

Mục đích: Hoạt động nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học nhằm mục đích phục vụ nâng cao dân trí và mục đích nhân đạo.

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

1. Nghiên cứu các vấn đề văn hoá khoa học.
2. Biên soạn sách phổ biến khoa học công nghệ.
3. Biên soạn các loại từ điển.

Nhiệm vụ cụ thể: Trong những năm tới (từ 2001 đến 2005): phát huy tiềm năng sẵn có (hiện có hơn 200 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia); Viện tổ chức nghiên cứu một số vấn đề khoa học; biên soạn từ điển; biên soạn sách phổ biến tri thức bách khoa: kiến thức khoa học cơ bản, chính xác, hiện đại, thông dụng, Việt Nam, dưới dạng SÁCH HỒNG (sách mỏng và chuyên luận) phục vụ độc giả rộng rãi theo các chủ đề như nông nghiệp và nông thôn; phòng bệnh và chữa bệnh; thanh thiếu nhi và học sinh; phụ nữ và người cao tuổi...

Phương hướng hoạt động của Viện là dựa vào **niệt tình say mê khoa học, tinh thần tự nguyện** của mỗi thành viên; liên kết với các viện nghiên cứu, các nhà xuất bản.

Hoạt động khoa học của Viện theo hướng “**Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá**” (Nghị quyết Đại hội Đảng IX).

Vốn hoạt động của Viện là vốn tự có và liên doanh liên kết. Viện sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước hoặc nhận đơn đặt hàng nghiên cứu các vấn đề nêu trên.

Rất mong được các nhà từ thiện, các doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể và Nhà nước động viên, giúp đỡ.

Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa

LỜI GIỚI THIỆU

Rừng là một bộ phận của môi trường sống, là tài nguyên quý báu của nước ta, có khả năng tái tạo rất phong phú, đa dạng, có giá trị to lớn nhiều mặt đối với nền kinh tế quốc dân, văn hoá cộng đồng, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, an ninh quốc gia. Việc bảo vệ, phát triển tài nguyên là nhiệm vụ vô cùng quan trọng do Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Trong những năm gần đây, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được Nhà nước quan tâm đầu tư, Bộ Lâm nghiệp trước đây, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp tổng hợp trong việc **phòng cháy, chữa cháy rừng** và đã thu được nhiều kết quả. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng một cách bền vững. Nguy cơ tiềm ẩn làm suy thoái tài nguyên rừng do cháy rừng gây ra vẫn thường xuyên đe dọa. Nạn cháy rừng vẫn có nơi còn xảy ra nghiêm trọng.

Tiến sĩ Phạm Ngọc Hưng gần 40 năm đã tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng, đã tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên rừng, trực tiếp tham gia đề xuất xây dựng các dự án, quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về cấp dự báo, báo động cháy rừng...

Từ thực tiễn hoạt động phong phú và đúc kết kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực bảo vệ rừng, tiến sĩ Phạm Ngọc Hưng đã viết cuốn sách: **"Quản lý cháy rừng ở Việt Nam"**. Nội dung cuốn sách trình bày khái quát đất rừng ở Việt Nam, nguyên nhân, tác hại, đặc điểm quá trình

cháy rừng, đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp tổng hợp phòng cháy, chữa cháy rừng, khuyến nghị các giải pháp phòng cháy, chữa cháy rừng. Đồng thời tác giả đề xuất chiến lược phòng cháy, chữa cháy rừng ở Việt Nam. Cuốn sách có giá trị về lý luận và thực tiễn.

Đây là tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác quản lý và nghiệp vụ khoa học kỹ thuật đang quan tâm đến lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng.

Chúng tôi trân trọng thành quả lao động của tác giả cuốn sách **"Quản lý cháy rừng ở Việt Nam"** và xin giới thiệu với bạn đọc.

Mong bạn đọc góp ý kiến phê bình sách.

Giáo sư, tiến sĩ khoa học Vũ Tuyên Hoàng

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ RỪNG VIỆT NAM VỚI VẤN ĐỀ CHÁY RỪNG

Nước ta hiện có 10.915.592ha rừng bao gồm rừng tự nhiên: 9.444.198ha, rừng trồng: 1.471.394ha thuộc ba loại rừng: sản xuất, phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng; trong đó có khoảng 6 triệu hecta rừng dễ cháy, bao gồm:

- Rừng thông diện tích khoảng 500.000ha phân bố tập trung ở các tỉnh Lâm Đồng, Quảng Ninh, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hoà, Đắk Lắk... Thông là loại cây có dầu, về mùa khô thời tiết khô hạn rất dễ bắt lửa và gây ra nguy cơ cháy rừng lớn.

- Rừng tràm diện tích khoảng 250.000ha phân bố ở Cà Mau, Kiên Giang, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng... Là loại rừng một năm chịu đựng 6 tháng khô, 6 tháng ngập nước; có tầng than bùn dày 0,5-1,2m, lá cây tràm có chứa tinh dầu, về mùa khô hạn lớp than bùn và lớp thảm tươi cây bụi bị khô nỏ là nguồn chứa VLC* khổng lồ dễ xuất hiện 3 loại cháy: cháy ngầm, cháy lan, cháy lướt. Vì vậy, một trong những biện pháp phòng quan trọng là phải đào kênh mương ngăn ngừa 3 loại cháy này.

- Rừng tre nứa có diện tích khoảng 1,17 triệu hecta tập trung ở các tỉnh vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Khu V, Khu IV cũ, Tây Nguyên... Về mùa đông lá tre nứa rụng hàng loạt cùng với lớp cây bụi tạo nên nguồn VLC mặt đất rất nguy hiểm.

(*) VLC: Vật liệu cháy.

- Rừng dầu lông chủ yếu ở Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, v.v.. có diện tích khoảng 1,5 triệu hecta, là loại cây thường xuyên bị cháy vào mùa khô ở Tây Nguyên từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau.

Ngoài ra, một số loại rừng trồng như: mỡ, bồ đề, bạch đàn, rừng đặc sản và hàng triệu hecta đất trồng đồi trọc, cỏ tranh, lau lách hàng năm đến mùa khô hanh cũng gây cháy rừng nghiêm trọng; qua nhiều năm đã làm cho độ che phủ của rừng hiện nay còn khoảng 33,2%, nhiều tỉnh độ che phủ đầu nguồn các con sông, các công trình thủy điện, thủy lợi chỉ còn 27% như Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình.

I. TÌNH HÌNH RỪNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Kết quả tổng kiểm kê toàn quốc theo Chỉ thị số 286/TTg ngày 02/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ cho thấy tình hình rừng hiện nay của nước ta như sau:

1. Về diện tích rừng

Tính đến hết năm 1999 cả nước có 10.915.592ha rừng các loại với độ che phủ tương ứng là 33,2% (không tính cây gỗ phân tán và cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả có tán lớn rễ sâu). Trong đó: rừng tự nhiên có 9.444.198ha, chiếm 86,5% ; rừng trồng có 1.471.394ha, chiếm 13,5%.

2. Tình hình phân bố diện tích rừng theo các vùng

2.1. Vùng Táy Bắc: Gồm 3 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình

Tổng diện tích đất có rừng là 963.440ha, chiếm 8,8% tổng diện tích rừng của cả nước, với độ che phủ tương ứng 27% ; rừng tự nhiên có 884.408ha, chiếm 91,8%; rừng trồng có 79.032ha, chiếm 8,2%.

2.2. Vùng Đông Bắc: Gồm 13 tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh.

Tổng diện tích đất có rừng ở vùng Đông Bắc là 2.368.982ha chiếm 21,7% tổng diện tích rừng của cả nước, với độ che phủ tương ứng là 35,1%. Trong đó: rừng tự nhiên có 1.890.595ha, chiếm 79,8% ; rừng trồng có 487.388ha, chiếm 20,2%.

2.3. Vùng đồng bằng sông Hồng: Gồm 9 tỉnh: Hà Nam, Hà Nội, Hà Tây, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình. Trong đó tỉnh Hưng Yên không có rừng.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng này là 83.638ha, chiếm 0,8% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 6,6%.

Trong đó: rừng tự nhiên có 45.332ha, chiếm 54,2% ; rừng trồng có 38.306ha, chiếm 45,8%.

2.4. Vùng Bắc Trung Bộ: Gồm 6 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng Bắc Trung Bộ là 2.135.649ha, chiếm 19,6% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 41,6%. Trong đó: rừng tự nhiên có 1.835.635ha, chiếm 85,9% ; rừng trồng có 300.016ha, chiếm 14,1%.

2.5. Vùng duyên hải miền Trung: Gồm 6 tỉnh: Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng duyên hải Miền Trung là 1.139.290ha chiếm 10,4% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 34,5%. Trong đó: rừng tự nhiên có 969.315ha, chiếm 85,1% ; rừng trồng có 169.975ha, chiếm 14,9%.

2.6. Vùng Tây Nguyên: Gồm 3 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng Tây Nguyên là 2.373.117

ha, chiếm 21,7% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 53,2% cao nhất cả nước. Trong đó: rừng tự nhiên có 2.339.168ha, chiếm 98,6% ; rừng trồng có 33.949ha, chiếm 1,4%.

2.7. Vùng Đông Nam Bộ: Gồm 9 tỉnh: Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng Đông Nam Bộ là 1.581.000ha chiếm 14,5% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 35,5%. Trong đó: rừng của vùng Đông Nam Bộ chiếm 14,5% diện tích rừng cả nước. Trong đó: rừng tự nhiên có 1.416.643ha, chiếm 89,6%; rừng trồng có 164.357ha, chiếm 10,4%.

2.8. Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Gồm 12 tỉnh: Đồng Tháp, An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long. Trong đó tỉnh Vĩnh Long không có rừng.

Tổng diện tích đất có rừng của vùng này là 270.475ha, chiếm 2,5% diện tích rừng cả nước, với độ che phủ tương ứng 6,8%. Trong đó : rừng tự nhiên có 63.102ha, chiếm 23,3%; rừng trồng có 207.373ha, chiếm 76,7%.

Sự phân bố rừng trên các vùng ở nước ta chênh lệch nhau rất lớn, thể hiện như sau:

- Các vùng có diện tích rừng tuy không nhiều nhưng chiếm tỉ lệ tương đối cao trong tổng diện tích rừng cả nước là: vùng đông Bắc và vùng Bắc Trung Bộ.

- Ba vùng Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Bắc: Diện tích đất có rừng hiện tại còn ít.

- Hai vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng diện tích đất có rừng hiện tại quá ít.